

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 -5-2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc châu và bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1987.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Đình L, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn T 1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,

Tại phiên tòa vắng mặt chị D và anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Hoàng Đình L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/7/2005. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị D và anh L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Đình L.

Về con chung: Chị D khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Hoàng Đình H, sinh ngày 11/8/2006 và cháu Hoàng Đình A, sinh ngày 19/4/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh L. Chị D đề nghị để anh L trực tiếp nuôi cả hai cháu H và A, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã triệu tập hợp lệ anh Hoàng Đình L đến Tòa án để viết bản khai nhưng anh L không có mặt mà không có lý do. Tòa án cũng đã phối hợp với chính quyền địa phương để tiến hành lấy lời khai của anh L cùng các cháu Hoàng Đình H, Hoàng Đình A tại nơi cư trú, tuy nhiên anh L từ chối khai đồng thời cản trở Tòa án lấy lời khai của cháu A. Đối với cháu Hoàng Đình H, hiện tại cháu H không có mặt tại địa phương, anh L không cung cấp địa chỉ của cháu H nên Tòa án cũng không lấy được lời khai của cháu H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị D và giao các cháu Hoàng Đình H, sinh ngày 11/8/2006 và cháu Hoàng Đình A, sinh ngày 19/4/2009 cho anh L trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh L cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt; chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau. Theo biên bản xác minh ngày 28/02/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hà Lĩnh, chị D và anh L kết hôn năm 2005, từ năm 2015 cho đến nay chị D và anh L đã sống ly thân. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh L luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, dẫn đến vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị D khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Hoàng Đình H, sinh ngày 11/8/2006 và cháu Hoàng Đình A, sinh ngày 19/4/2009. Chị D cũng xuất trình cho Tòa án giấy khai sinh của các cháu Hoàng Đình H và Hoàng Đình A, trong giấy khai sinh thể hiện cháu H và cháu A là con chung của chị D và anh L. Mặt khác, cháu H và cháu A sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu H và cháu A là con chung của chị D và anh L. Mặc dù không có lời khai về nguyện vọng của cháu H và cháu A nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H và cháu A do anh L nuôi dưỡng, chị D cũng có nguyện vọng để anh L nuôi cả hai cháu. Vì vậy, giao các cháu H và A cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 6; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Đình L.

2. Về con chung: Công nhận cháu Hoàng Đình H, sinh ngày 11/8/2006 và cháu Hoàng Đình A, sinh ngày 19/4/2009 là con chung của chị D và anh L. Giao cháu H và cháu A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 5/2020 cho đến khi các cháu H và A đủ 18 tuổi. Chị D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh L có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, chị D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009055 ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị D còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trịnh Thanh Hương

